



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
 Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 168 - 2026/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 746
 Ngày : 01/07/2026
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 21B04/26
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,30
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,35
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,05
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	16,34
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	40,78
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	71
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	< LOQ = 0,039
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	KPH (LOQ = 3,35)
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	1,45
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,63
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TƯỚNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú: Nguyễn Loan Thuần

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN****PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT**

05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.

Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388

**VILAS 746**

Số: 169 - 2026/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 01/07/2026

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Tuyền Lê Thành Phương - NMN Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 22M₁04/26
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,37
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,33
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,35
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	41,30
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	72
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	< LOQ = 0,039
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	KPH (LOQ = 3,35)
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	1,39
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,44
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÒNG TỔNG GIÁM ĐỐC**PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT****BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM**

Ghi chú: Nguyễn Văn Tuấn

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

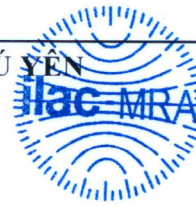
BM.KHKT.02.02

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



Số: 170 - 2026/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 01/07/2026
 Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Xuân Phương - NMN Sông Cầu
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 23M₂04/26
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 18/06/2026
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 18/06/2026 đến ngày 29/06/2026
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCĐP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,80
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,50
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	0,04
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,68
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	41,30
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	< LOQ = 3,78
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	73
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	< LOQ = 0,039
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	KPH (LOQ = 3,35)
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	1,65
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,01)
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,29
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHỤ TÓNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
PHÚ YÊN**

Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú: Nguyễn Loan Loan

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử